TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST Ngày: 11-7-2023 V/v: Ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Lan

Ông Lê Mạnh Hậu

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm: 1983 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện C, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/KH/2001, quyển số 01/HT/95 ngày 14/8/2001. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mạnh ai nấy sống. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và hiện bà H cũng không còn tình cảm với ông T, vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 11/6/2003 và Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày: 05/12/2009, hiện con đang ở với bà H. Cháu Tuyết A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Minh H chưa thành niên, khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

2. *Bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

3. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Tiến vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, do vậy xét xử vắng mặt bà H và ông T là phù hợp Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Côn Đảo nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2001 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/KH/2001, quyển số 01/HT/95 ngày 14/8/2001 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nay, bà H xác định mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được và hiện tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nhưng không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, điều này cho thấy ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho b2 H và ông T ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Ông T không tham gia vào quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T tự từ bỏ quyền lợi của mình về con

chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày: 05/12/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Cháu Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 11/6/2003 đã thành niên, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 11/6/2003 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày: 05/12/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H và ông T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Tuyết H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012076 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Nguyễn Anh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- UBND huyện Côn Đảo;
(GCNKH số 08/KH/2001 ngày 14/8/2001, quyển số 01/HT/95)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung